

Bản án số: 116/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 28 - 8 - 2024

Ly hôn, tranh chấp về nuôi con,

Tranh chấp về cấp dưỡng

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC LINH, TỈNH BÌNH THUẬN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Đình Trường

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Bình

2. Ông Nguyễn Thanh Bình

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Hà - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng- Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 8 năm 2024 tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 272/2024/TLST-HNGĐ, ngày 24 tháng 6 năm 2024; về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, tranh chấp về cấp dưỡng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 235/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 7 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 171/2024/QĐST-HNGĐ, ngày 12 tháng 8 năm 2024, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị **Bùi Thị Kim B**, sinh năm 1994; nơi cư trú: **Số B, đường số D, tổ F, thôn E, xã T, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận**. Chỗ ở hiện nay: **Số A, xóm D, thôn A, xã G, huyện T, tỉnh Bình Thuận**.

2. *Bị đơn:* Anh **Huỳnh Công Q**, sinh năm 1996; nơi cư trú: **Số B, đường số D, tổ F, thôn E, xã T, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận**.

Tại phiên tòa vắng mặt nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; vắng mặt bị đơn không có lý do chính đáng cũng không có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo hồ sơ vụ án nguyên đơn trình bày:

Chị **Bùi Thị Kim B**, anh **Huỳnh Công Q** tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật vào năm 2021, tại **UBND xã T, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận**. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc với nhau được một thời gian thì nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh **Q** không lo làm ăn, ham chơi bài bạc dẫn đến nợ nần. Bản thân chị **B** đã nhiều lần khuyên bảo, động viên anh **Q** thay đổi để chăm lo làm ăn, lo cho gia đình vợ con, nhưng anh **Q** vẫn không thay đổi được từ đó vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã, chửi bới, xúc phạm nhau. Trước đây vì muốn giữ gìn hạnh phúc gia đình nên nhiều lần chị **B** đã bỏ qua, tuy nhiên anh **Q** vẫn không thay đổi nên vào tháng 4/2024 chị **B** đã bỏ về nhà cha mẹ ruột tại **xã G, huyện T** sinh sống cho đến nay. Thời gian đầu anh **Q** có tới khuyên bảo, động viên chị **B** quay về nhưng chị **Bằng k** đồng ý; sau đó chị **B**, anh **Q** không còn yêu thương, quan tâm chăm sóc gì nhau. Hiện nay chị **B** không còn tình cảm với anh **Q**, không mong muốn tiếp tục chung sống với anh **Q**, nên đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn.

Chị **B**, anh **Q** có hai người con chung là **Huỳnh Công B1**, sinh ngày 08/8/2022; **Huỳnh Công H**, sinh ngày 15/10/2023. Kể từ khi chị **B** bỏ về **xã G, huyện T** sinh sống cho đến nay cả hai con đều do chị **B** trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc. Khi ly hôn chị **B** có nguyện vọng nuôi các con và yêu cầu anh **Q** phải cấp dưỡng tiền nuôi con hàng tháng, mỗi con là 1.500.000 đồng. Hiện chị **B** làm nghề giáo viên Mầm non **trường M**, bình quân thu nhập hàng tháng là 5.800.000 đồng, ngoài ra còn may mặc, chăn nuôi thêm. Bản thân anh **Q** không có nghề nghiệp gì, nên chị **B** không rõ thu nhập như thế nào. Chị **Bằng** không yêu cầu giải quyết tài sản chung, nợ chung.

*Đối với bị đơn **Huỳnh Công Q**:*

Sau khi thụ lý vụ án, mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, Thông báo kết quả phiên họp, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa, giấy triệu tập nhưng đều không có ý kiến gửi Tòa án, cũng không tham gia làm việc. Do đó, tòa án không ghi nhận được ý kiến.

Tại biên bản xác minh ngày 23/7/2024 (bút lục 16) thể hiện:

Anh Huỳnh Công Q sinh năm 1996 hiện cư trú tại tổ F, thôn E, xã T, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận. Anh Q có kết hôn với chị B, tuy nhiên hiện nay vợ chồng không còn sống với nhau, chị B đã chuyển về xã G, huyện T sinh sống; bản thân anh Q nghiện ma túy thuộc diện quản lý của địa phương, ngoài ra anh Q còn cá độ, đánh bạc.

Tại biên bản xác minh ngày 23/7/2024 (bút lục 15) thể hiện:

Anh Huỳnh Công Q, sinh năm 1996; có đăng ký thường trú tại tổ F, thôn E, xã T, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận; thực tế có cư trú tại đại phương.

Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Linh:

- Về tố tụng:

+ Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã tuân thủ theo đúng các quy định về pháp luật tố tụng dân sự.

+ Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa: Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm và đảm bảo đúng nguyên tắc xét xử.

+ Việc chấp hành pháp luật của các đương sự trong vụ án: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 về quyền và nghĩa vụ của đương sự. Bị đơn không thực hiện quyền và nghĩa vụ của đương sự.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Xử cho chị Bùi Thị Kim B được ly hôn với anh Huỳnh Công Q; giao hai con chung cho chị B nuôi dưỡng và buộc anh Q phải cấp dưỡng tiền nuôi mỗi con là 1.500.000 đồng/tháng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Bị đơn anh **Huỳnh Công Q** hiện thường trú tại **huyện Đ, tỉnh Bình Thuận** nên việc khởi kiện của nguyên đơn là thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận được quy định tại khoản 1, 5 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Chị **Bùi Thị Kim B** khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, giải quyết quyền nuôi con và cấp dưỡng tiền nuôi con với bị đơn anh **Huỳnh Công Q** nên quan hệ pháp luật cần giải quyết là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, tranh chấp về cấp dưỡng” được quy định tại các khoản 1, 5 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Tại phiên tòa mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt bị đơn không có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, cũng không có lý do chính đáng. Vắng mặt nguyên đơn nhưng đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử vắng mặt các đương sự tại phiên tòa là phù hợp.

[4] Chị **Bùi Thị Kim B**, anh **Huỳnh Công Q** tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật vào ngày 09/6/2021, số 38 tại **Ủy ban nhân dân xã T, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận** đây là hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

Sau khi kết hôn chị **B**, anh **Q** chung sống hạnh phúc với nhau một thời gian thì nảy sinh mâu thuẫn. Mặc dù cả hai đã nhiều lần tự khuyên bảo, động viên nhau nhưng vẫn không có kết quả. Nên cả hai đã ly thân và không còn yêu thương, quan tâm, chăm sóc gì nhau; hiện nay chị **B** không còn tình cảm với anh **Q** nên đề nghị giải quyết ly hôn. Bản thân anh **Q**, sau khi thụ lý vụ án mặc dù Tòa án đã nhiều lần tổ chức phiên họp, hòa giải đoàn tụ để các bên quay về chung sống với nhau nhưng không tham gia, không có ý kiến, điều đó chứng tỏ anh **Q** cũng không còn tha thiết gì cuộc sống hôn nhân với chị **B**. Nên có cơ sở xác định mâu thuẫn trong quan hệ hôn nhân giữa chị **B** và anh **Q** đã kéo dài và trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được; do đó nếu có tiếp tục chung sống sẽ không tạo dựng được hạnh phúc mà mâu thuẫn sẽ lại càng nghiêm trọng hơn. Nên, cần xử cho chị **B** được ly hôn với

anh **Q** là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[5] Quá trình giải quyết vụ án chị **B** có nguyện vọng được quyền nuôi hai con **Huỳnh Công B1**, sinh ngày 08/8/2022 và **Huỳnh Công H**, sinh ngày 15/10/2023 trong khi anh **B** không có ý kiến gì. Việc giao con cho ai trực tiếp nuôi dưỡng thì cần căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt và xem xét nguyện vọng của con cũng như điều kiện thực tế của người trực tiếp nuôi con. Bản thân chị **B** hiện làm nghề giáo viên, có mức thu nhập ổn định, có đạo đức; trong khi anh **Q** là người bị nghiện ma túy; đồng thời các con hiện chưa đủ 36 tháng tuổi, ngoài ra kể từ thời điểm chị **B**, anh **Q** ly thân cho đến nay các con đều do chị **B** trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con. Để bảo vệ quyền lợi của con chưa thành niên về mọi mặt cần giao các con cho chị **B** trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

[6] Quá trình làm việc chị **B** có yêu cầu anh **Q** phải cấp dưỡng tiền nuôi con là 1.500.000 đồng/con/tháng.

Khoản 1 Điều 82 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 quy định: “*Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con*”.

Khoản 1 Điều 83 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 quy định: “*1. Cha, mẹ trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con thực hiện các nghĩa vụ theo quy định tại Điều 82 của luật này...*”

Do đó, yêu cầu cấp dưỡng tiền nuôi con của chị **B** là có căn cứ, bởi lẽ chị **B** là người trực tiếp nuôi con, nên anh **Q** phải có nghĩa vụ cấp dưỡng. Mức cấp dưỡng 1.500.000 đồng/tháng/con mà chị **B** đưa ra phù hợp với mức thu nhập, mức sống tại địa phương, cũng như nhu cầu hiện tại của các con, nên chấp nhận là phù hợp với quy định khoản 2 Điều 82, khoản 1 Điều 107, Điều 110, khoản 1 Điều 116, Điều 117 Luật hôn nhân gia đình năm 2014. Nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chấm dứt trong trường hợp quy định tại Điều 118 luật hôn nhân gia đình năm 2014. Đối với khoản tiền cấp dưỡng, chị **B** có quyền làm đơn yêu cầu thi hành án ngay theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 2 Luật thi hành án dân sự năm 2008 đã được sửa đổi bổ sung.

Vì lợi ích của con, khi có lý do chính đáng, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

[7] Các bên không tranh chấp, không yêu cầu giải quyết về tài sản chung, nợ chung nên không xem xét.

[8] Chị **B** phải chịu án phí ly hôn, anh **Q** phải chịu án phí cấp dưỡng tiền nuôi con theo quy định.

[9] Các đương sự đều có quyền kháng cáo theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Các khoản 1, 5 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 146, khoản 4 Điều 147, Điều 203, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, các Điều 81, 82, 83, 84, khoản 1 Điều 107, Điều 110, khoản 1 Điều 116, Điều 117, Điều 118 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Luật thi hành án dân sự năm 2008, đã được sửa đổi, bổ sung; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị **Bùi Thị Kim B**.

1. *Về quan hệ hôn nhân:* Chị **Bùi Thị Kim B** được ly hôn với anh **Huỳnh Công Q**.

Giấy chứng nhận kết hôn đăng ký ngày 09/6/2021, số 38 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận hết hiệu lực, kể từ ngày bản án này có hiệu lực pháp luật.

2. *Về con chung:* Giao cho chị **Bùi Thị Kim B** được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục hai người con chung **Huỳnh Công B1**, sinh ngày 08/8/2022 và **Huỳnh Công H**, sinh ngày 15/10/2023.

Anh **Q** có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được ngăn cản. Trường hợp anh **Q** lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì chị **B** có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của anh **Q**.

Vì lợi ích của con, khi có lý do chính đáng, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về cấp dưỡng: Anh **Huỳnh Công Q** phải cấp dưỡng tiền nuôi con **Huỳnh Công B1**, sinh ngày 08/8/2022; **Huỳnh Công H**, sinh ngày 15/10/2023 cho chị **Bùi Thị Kim B** mỗi tháng là 1.500.000 đồng/con (*Một triệu năm trăm ngàn đồng*). Chị **B** có quyền làm đơn yêu cầu thi hành án ngay, mặc dù bản án có thể bị kháng cáo, kháng nghị. Nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chấm dứt khi phát sinh trường hợp chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định tại Điều 118 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

Vì lợi ích của con, khi có lý do chính đáng, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

4. Về án phí: Chị **Bùi Thị Kim B** phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) án phí ly hôn sung công quỹ Nhà nước nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0004626, ngày 24 tháng 6 năm 2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đức Linh. Anh **Huỳnh Công Q** phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) án phí cấp dưỡng sơ thẩm sung công quỹ Nhà nước.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ, để Tòa án cấp trên xét xử theo trình tự phúc thẩm.

6. Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Đức Linh;
- UBND xã Trà Tân, huyện Đức Linh;
- C.C Thi hành án DS.h. Đức Linh;
- Các đương sự;
- Lưu HS, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

Trần Đình Trường